

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH G

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 33/2022/HS-ST

Ngày: 05 - 7 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Xuân Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lưu Thông – Nguyên hiệu trưởng trường Tiểu học số 3 thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G.

- Bà Huỳnh Thị Ngọc Diệp - Nguyên hiệu trưởng trường Tiểu học Võ Thị S thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G.

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Quang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Kỳ - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 15/2022/TLST-HS ngày 06 tháng 4 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2022/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2022/HSST-QĐ ngày 14/6/2022 với các bị cáo:

1. Bị cáo thứ nhất: Hoàng Xuân V (Tên gọi khác: Không), Sinh ngày 20/10/1987 tại tỉnh G; nơi cư trú: Thôn D, xã G, huyện Đ, tỉnh G; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Xuân S (đã chết) và bà Ninh Thị H; bị cáo có vợ tên H, sinh năm 1992 và có 01 người con, sinh năm 2018; Tiền án: 02 tiền án; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/12/2021, sau đó tạm giam cho đến nay. Hiện nay bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh G. Có mặt.

2. Bị cáo thứ hai: Nông Văn B (Tên gọi khác: không), Sinh ngày 16/5/1984 tại tỉnh C; nơi cư trú: Làng I, phường Chi L, thành phố P, tỉnh G; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn L và bà Hoàng Thị T; bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: 01 tiền án; Tiền sự: Không.

Hiện nay bị cáo đang tại ngoại. Có mặt.

3. Bị cáo thứ ba: Trần Văn H (Tên gọi khác: Không), Sinh ngày 22/9/1990 tại tỉnh L; Nơi thường trú: Tổ dân phố 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh L; Nơi tạm trú: Tổ 3, phường C, thành phố P, tỉnh G; nghề nghiệp: Sửa xe; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn V và bà Ngô Thị S; bị cáo có vợ tên Lê Thị Th và có 01 người con, sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không. Hiện nay bị cáo đang tại ngoại. Có mặt.

*** Bị hại:**

1. Anh H, sinh năm: 2006. Trú tại: Làng B, xã A, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.
2. Anh R, sinh năm: 2007. Trú tại: Thôn D, xã Gr, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.
3. Anh A, sinh năm: 1960. Trú tại: Thôn D, xã Gr, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.
4. Anh R, sinh năm: 2003. Trú tại: Thôn G, xã Gr, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.
5. Anh S, sinh năm: 1987. Trú tại: Thôn D, xã Gr, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Nông Văn L, sinh năm: 1953. Trú tại: Làng I, phường C, thành phố P, tỉnh G. Vắng mặt.
2. Anh Đinh Văn D, sinh năm: 1984. Trú tại: Thôn D, xã Gr, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.
3. Anh Nguyễn Thành T, sinh năm: 1977. Trú tại: Làng N I, xã I, thành phố P, tỉnh G. Vắng mặt.
4. Anh Asinh năm: 1980. Trú tại: Thôn D, xã Gr, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.

*** Đại diện hợp pháp của bị hại H:** Anh Y, sinh năm: 1983 (bố ruột); Trú tại: Làng B, xã A, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.

*** Đại diện hợp pháp của bị hại R:** Chị B (mẹ ruột); Trú tại: Thôn D, xã Gr, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.

*** Người làm chứng:**

1. Anh B, sinh năm: 1980. Trú tại: Thôn G, xã G, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.
2. Anh H, sinh năm: 1987. Trú tại: Thôn D, xã Gr, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.
3. Ông R, sinh năm: 1959. Trú tại: Thôn D, xã Gr, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.
4. Anh Y, sinh năm: 1983. Trú tại: Làng Blo, xã A Dơk, huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

*** Người phiên dịch:** Bà P. Trú tại: Thôn Pleiku Thung D, xã A, thành phố P, tỉnh G. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 02 giờ ngày 05/12/2021, Hoàng Xuân V đi bộ đến khu vực thôn G, xã G, huyện Đ với mục đích trộm cắp tài sản. Khi đi ngang qua trước nhà của gia đình ông U (sinh năm 1947, trú tại làng G, xã G, huyện Đ) nhìn thấy tại sân có dựng nhiều xe mô tô và tại hiên nhà có nhiều người đang nằm ngủ. V đi vào đến hiên nhà thì nhìn thấy 03 chiếc điện thoại di động đang cắm sạc pin gồm: 01 chiếc điện thoại Samsung Galaxy J6 bị nứt màn hình của anh S; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Apple Iphone 6 của cháu R và 01 điện thoại Oppo F7 bị nứt màn hình của anh R. V lấy trộm 03 chiếc điện thoại trên cất vào túi quần rồi đi ra sân thì nhìn thấy chiếc xe mô tô kiểu dáng Dream, biển số 81H3- 6455 của ông A đang cắm chìa khóa trên xe. V đã dắt chiếc xe 81H3- 6455 đi ra cách nhà ông U một đoạn để tránh bị phát hiện rồi nổ máy và điều khiển xe đi đến nhà Nông Văn B. Tại đây, V nói cho B biết vừa lấy trộm được chiếc xe 81H3- 6455 và nhờ B mang đi bán. V tiếp tục lấy ra 03 chiếc điện thoại di động vừa trộm cắp được và thỏa thuận bán cho B chiếc điện thoại Samsung Galaxy J6 với số tiền 300.000 đồng nhưng B chưa trả tiền. V cất 02 chiếc điện thoại còn lại vào túi và nói B tháo biển số, vỏ xe trước khi bán rồi đi ngủ. B lấy đồ nghề tháo hết biển số, dàn vỏ nhựa và một số phụ tùng của xe mô tô 81H3 – 6455 ra rồi sau đó điều khiển xe (không còn biển số, dàn vỏ nhựa...) đi đến tiệm sửa chữa, mua bán xe máy cũ của Trần Văn H để hỏi bán. H hỏi nguồn gốc của xe thì B nói cho H biết chiếc xe này là do trộm cắp mà có. Sau khi xem xe, H đã đồng ý mua chiếc xe này và trả cho B số tiền 1.100.000 đồng.

Khoảng 14 giờ ngày 05/12/2021, Hoàng Xuân V đi đến nhà B thì ắc đưa cho V số tiền 1.100.000 đồng nói tiền bán xe được 900.000 đồng và trả cho V 200.000 đồng tiền mua điện thoại. V nhờ B tiếp tục đi bán điện thoại di động đã trộm cắp được trước đó nên B điều khiển xe mô tô biển số 81P1 – 167.26 chở V đi đến tiệm điện thoại Gia P. V đi vào bán chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F7 cho anh Nguyễn Thành T với số tiền 600.000 đồng. V đưa cho B số tiền 100.000 đồng nói để B đổ xăng. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, B điều khiển xe mô tô biển số 81P1 – 167.26 chở V về nhà anh Trần Văn C rồi đi về. V đi vào ngồi uống rượu với anh C và anh Đinh Văn D. Trong khi uống rượu, V đã thỏa thuận và bán chiếc điện thoại Apple Iphone 6 cho anh D với số tiền là 1.000.000 đồng. Toàn bộ tiền bán xe mô tô và điện thoại trộm cắp trên, V đã tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi mua chiếc xe mô tô 81H3 – 6455 không còn biển số, dàn vỏ nhựa và một số phụ tùng do Nông Văn B mang đến bán. Trần Văn H đã tháo lốc máy ra bán cho người khác không rõ nhân thân, lai lịch và lấy 01 chiếc lốc máy xe mô tô có số BT1P50FMG994016070 do H mua trước đó lắp vào chiếc xe này để sử dụng. Quá trình điều tra, Trần Văn H đã giao nộp chiếc xe mô tô 81H3 – 6455 không còn biển số, dàn vỏ nhựa, một số phụ tùng và đã được lắp ráp lốc máy có số: BT1P50FMG994016070.

Tại Kết luận định giá số 139/KL-HĐĐGTS ngày 10/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ, kết luận: 01 xe mô tô kiểu dáng dream, nhãn hiệu DAM SEL, mang biển số 81H3- 6455 có trị giá 2.100.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F7 bị nứt màn hình có trị giá 1.200.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn

hiệu Samsung Galaxy J6 bị nứt màn hình trị giá 1.500.000 đồng và 01 điện thoại nhãn hiệu Apple Iphone 6 có trị giá 1.000.000 đồng). Tổng trị giá tài sản trộm cắp là 5.800.000 đồng.

Lần thứ hai: Khoảng 21 giờ ngày 07/12/2021, sau khi uống rượu cùng với Hoàng Xuân Văn tại nhà của mình thì Nông Văn B điều khiển xe mô tô biển số 81P1 – 167.26 chở V đi về. Khi đi đến địa phận xã A, huyện Đ, V nảy sinh ý định tìm kiếm nhà người dân có tài sản để trộm cắp nên nói B dừng lại để V xuống đi bộ. B đồng ý để V xuống xe rồi quay về nhà, còn Văn đi bộ về hướng xã G, huyện Đ. Khi đi đến trước nhà của gia đình ông Y, V nảy sinh ý định đột nhập vào nhà để trộm cắp tài sản. V đi vào nhà nhà bằng cửa bên hông đến phòng ngủ thì thấy cháu H là con của ông Y) đang nằm ngủ. V nhìn thấy có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F9 của cháu H đang cắm sạc pin trên đầu tủ nên lấy trộm bỏ vào túi quần. Lúc này, cháu H tỉnh dậy phát hiện nên tri hô và cùng ông Y bắt giữ Hoàng Xuân V giao nộp cho Cơ quan Công an để điều tra xử lý.

Tại Kết luận định giá số 139/KL-HĐĐGTS ngày 10/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ, kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F9 có trị giá 2.500.000 đồng.

Quá trình điều tra, Nông Văn B đã giao nộp 01 biển số xe mô tô 81H3- 6455, 01 chiếc điện thoại Samsung Galaxy J6, 01 ốp bảo vệ xích xe mô tô bằng kim loại, 01 ốp nhựa đầu xe (mặt nạ) xe mô tô, 01 đồng hồ xe mô tô, 01 đèn chiếu sáng xe mô tô, 01 bình ắc quy xe mô tô, 01 cái tua vít, 01 cái cà lê và 01 xe mô tô nhãn hiệu Suzuki biển số 81H3 - 167.26. Nguyễn Thành T giao nộp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F7. Anh Đinh Văn D giao nộp 01 chiếc điện thoại Apple Iphone 6. Trần Văn H giao nộp 03 chiếc cà lê bằng kim loại.

Trên cơ sở kết quả điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại xe mô tô không có lốc máy và có số khung KMYCT100DYC782895, biển số xe mô tô 81H3 – 6455, 01 ốp bảo vệ xích xe mô tô bằng kim loại, 01 ốp nhựa đầu xe (mặt nạ) xe mô tô, 01 đồng hồ xe mô tô, 01 đèn chiếu sáng xe mô tô, 01 bình ắc quy xe mô tô cho ông A. Ngoài ra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ cũng đã trả lại 01 điện thoại di động hiệu Oppo F9, 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J6, 01 điện thoại di động hiệu Oppo F7 và 01 điện thoại di động hiệu Apple Iphone 6 cho chủ sở hữu.

Đối với xe mô tô biển số 81P1 – 167.26 là tài sản của cha Nông Văn B là ông Nông Văn L. Việc Bắc mượn chiếc xe này làm phương tiện để chở Hoàng Xuân V đi bán tài sản do phạm tội mà có vào ngày 05/12/2021, ông L hoàn toàn không biết nên đã trả lại cho ông L.

Đối với 01 chiếc lốc máy xe mô tô có số BT1P50FMG994016070, quá trình điều tra chưa làm rõ được nguồn gốc nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đak Đoa tiếp tục tạm giữ để điều tra, xử lý theo quy định.

Đối với 01 cái tuốcnovít, 04 cái cà lê thu giữ của Nông Văn B và Trần Văn H là công cụ phạm tội, nên chuyển đến Cơ quan Thi hành án dân sự để xử lý theo quy định.

*** Về Dân sự:**

Quá trình điều tra anh S, anh R, cháu R và cháu H đã nhận lại tài sản bị trộm cắp và không có yêu cầu bồi thường. Ông A đã được bị cáo Trần Văn H thỏa thuận bồi thường bằng một chiếc xe mô tô khác và hiện không có yêu cầu bồi thường gì thêm. Anh Đinh Văn D không yêu cầu Hoàng Xuân V trả lại số tiền 1.000.000 đồng đã bỏ ra mua điện thoại. Anh Nguyễn Thành Tyêu cầu Hoàng Xuân V trả lại số tiền 600.000 đồng đã bỏ ra mua điện thoại. Tuy nhiên trước khi xét xử (ngày 10/6/2022) anh Nguyễn Thành T có đơn xin xét xử vắng mặt và trình bày là không có yêu cầu bị cáo Hoàng Xuân V trả lại số tiền 600.000 đồng đã bỏ ra mua điện thoại.

Tại Cáo trạng số: 23/CT-VKS ngày 06/4/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố các bị cáo: Hoàng Xuân V về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và đối với các bị cáo Nông Văn B, Trần Văn H đã truy tố về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự. Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ nguyên nội dung đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

*** Về tội danh, điều luật và hình phạt:**

Tuyên bố bị cáo Hoàng Xuân V phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm g, h, i khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 02 năm tù đến 02 năm 06 tháng tù.

Tuyên bố bị cáo Nông Văn B phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”. Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 01 năm 03 tháng tù đến 01 năm 06 tháng tù.

Tuyên bố bị cáo Trần Văn H phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”. Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng.

Đề nghị không xử phạt bổ sung bằng tiền các bị cáo.

*** Về dân sự:**

Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu bồi thường dân sự nên không xem xét.

*** Về vật chứng:**

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị như sau:

- Đối với các vật chứng đã xử lý xong trong giai đoạn điều tra là phù hợp với quy định nên không xem xét lại.

- Đối với 01 chiếc lốc máy xe mô tô có số BT1P50FMG994016070, quá trình điều tra chưa làm rõ được nguồn gốc nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ tiếp tục tạm giữ để điều tra, xử lý theo quy định, khi nào có kết quả sẽ xem xét xử lý sau.

- Đối với 01 cái tuốcnovít, 04 cái cà lê thu giữ của Nông V và Trần Văn H là công cụ phạm tội, do các vật chứng này không có giá trị sử dụng nên bị tịch thu và tiêu hủy.

*** Về án phí:**

Buộc các bị cáo Nông Văn B, Trần Văn H, Hoàng Xuân V, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi đã thực hiện phù hợp với hành vi, tội danh, Điều luật đã truy tố, không có khiếu nại, không có ý kiến phản đối gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập và chứng cứ, tài liệu của bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp đều phù hợp với quy định của pháp luật. Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều thực hiện đúng với quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận:

Vào ngày 05/12/2021 Hoàng Xuân V đã thực hiện hành vi trộm cắp 03 chiếc điện thoại di động của anh S, anh R, cháu R và 01 chiếc xe mô tô của ông A với tổng trị giá là 5.800.000 đồng. Đến ngày 07/12/2021 Hoàng Xuân V tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp của cháu H 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F9 có trị giá là 2.500.000 đồng thì bị phát hiện bắt giữ. Bị cáo 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với tổng trị giá 8.300.000 đồng.

Đối với Nông Văn B và Trần Văn H biết rõ những chiếc điện thoại di động và xe mô tô là do Hoàng Xuân V trộm cắp nêu trên mà có nhưng vẫn đồng ý tiêu thụ.

[3] Xét thấy, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của những người tham gia tố tụng khác, phù hợp với các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác của bị cáo Hoàng Xuân V là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân, xâm phạm trật tự trị an xã hội tại địa phương. Bị cáo 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với tổng trị giá 8.300.000 đồng. Mặc dù bị cáo có 02 tiền án nhưng không thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, vì vậy hành vi của bị cáo Hoàng Xuân V như đã nêu trên phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Đối với Nông Văn B biết rõ chiếc xe mô tô biển số 81H3 – 6455 và 03 chiếc điện thoại di động là do Hoàng Xuân V trộm cắp mà có nhưng vẫn giúp V bán xe cho Trần Văn H. Ngoài ra, Bắc còn mua của V chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy J6 để sử dụng và chở Văn đi bán 01 điện thoại di động Oppo F7. Vì vậy, hành vi của Nông Văn B đã phạm vào tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” quy định tại khoản 1, Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Đối với Trần Văn H biết rõ chiếc xe mô tô không có biển số mà Nông Văn B mang đến bán là tài sản do người khác trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý tiêu thụ. Vì vậy, hành vi của Trần Văn H đã phạm vào tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” quy định tại khoản 1, Điều 323 Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

* Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo Hoàng Xuân V 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Ngoài ra, bị cáo có 02 tiền án chưa được xóa án tích (nhưng không thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, vì Bản án sau không phải là tái phạm của Bản án trước, lần phạm tội này thuộc trường hợp ít nghiêm trọng). Mặt khác, bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người dưới 16 tuổi là cháu R (sinh ngày 24/7/2007) và cháu H (sinh ngày 18/6/2008). Vì vậy, bị cáo Hoàng Xuân V phải chịu các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*”; “*Tái phạm*” và “*Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi*” quy định tại điểm g, h, i khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo Nông Văn B 02 lần thực hiện hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có đủ yếu tố cấu thành tội phạm và có 01 tiền án về tội “*Cướp giật tài sản*” chưa được xóa án tích. Vì vậy, bị cáo Nông Văn B phải chịu các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” và “*Tái phạm*” quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo Trần Văn H không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

* Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Hoàng Xuân V, Nông Văn B, Trần Văn H đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, vì vậy các bị cáo Hoàng Xuân V, Nông Văn B, Trần Văn H được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Trần Văn H phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và đã bồi thường thiệt hại do tội phạm gây ra nên bị cáo Trần Văn H được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, hình phạt đối với bị cáo:

Đối với các bị cáo Hoàng Xuân V và Nông Văn B: Xét thấy, mặc dù hành vi của các bị cáo đã gây ra như trên là ít nghiêm trọng, tuy nhiên các bị cáo có nhân thân xấu nhưng vẫn không lấy đó làm bài học để sửa chữa lỗi lầm mà vẫn tiếp tục phạm

tội nhiều lần nêu trên. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần có bản án nghiêm khắc bằng hình phạt tù có thời hạn để cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe, phòng ngừa và giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và góp phần phòng ngừa chung tại địa phương. Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử sẽ xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để có mức án phù hợp cho các bị cáo.

Đối với bị cáo Trần Văn H: Xét thấy, mặc dù hành vi của bị cáo đã gây ra như trên là ít nghiêm trọng, tuy nhiên hành vi của bị cáo đã xâm phạm vào quyền sở hữu tài sản của người khác, xâm phạm trật tự trị an xã hội tại địa phương nên cũng cần có bản án nghiêm khắc đối với bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xét thấy các bị cáo có khả năng tự cải tạo và không gây nguy hiểm cho xã hội nên không cần thiết cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội nhưng vẫn đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, góp phần tạo điều kiện cho các bị cáo sớm hòa nhập cộng đồng để trở thành công dân tốt có ích cho xã hội nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo.

Ngoài hình phạt chính, xét thấy các bị cáo không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không xử phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

[6] Đối với anh Nguyễn Thành T và anh Đinh Văn D là những người đã mua những chiếc điện thoại mà Hoàng Xuân V mang đến bán. Tuy nhiên, cả anh Trung và anh Duyên không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có nên không có căn cứ xử lý Trung và anh Duyên là phù hợp.

[7] Về vật chứng:

- Đối với các vật chứng đã xử lý xong trong giai đoạn điều tra là phù hợp với quy định nên không xem xét lại.

- Đối với 01 chiếc lóc máy xe mô tô có số BT1P50FMG994016070, quá trình điều tra chưa làm rõ được nguồn gốc nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ tiếp tục tạm giữ để điều tra, xử lý theo quy định, khi nào có kết quả sẽ xem xét xử lý sau.

- Đối với 01 cái tuốcnovít, 04 cái cà lê thu giữ của Nông Văn B và Trần V H là công cụ phạm tội, tuy nhiên các vật chứng này không có giá trị sử dụng nên bị tịch thu và tiêu hủy.

[8] Về Dân sự:

- Anh S, anh R, cháu R và cháu H đã nhận lại tài sản bị trộm cắp và không có yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

- Ông A đã được bị can Trần Văn H thỏa thuận bồi thường bằng một chiếc xe mô tô khác và hiện không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét.

- Anh Đinh Văn D không yêu cầu Hoàng Xuân V trả lại số tiền 1.000.000 đồng đã bỏ ra mua điện thoại nên không xem xét.

- Quá trình điều tra, anh Nguyễn Thành Tg yêu cầu Hoàng Xuân V trả lại số tiền 600.000 đồng đã bỏ ra mua điện thoại. Tuy nhiên trước khi xét xử (ngày 10/6/2022) anh Nguyễn Thành T có đơn xin xét xử vắng mặt và trình bày là không có yêu cầu bị cáo Hoàng Xuân V trả lại số tiền 600.000 đồng đã bỏ ra mua điện thoại, do đó Hội đồng xét xử không xem xét phần bồi thường dân sự này.

[8] Về án phí:

Buộc các bị cáo Hoàng Xuân V, Nông Văn B, Trần Văn H, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm

[9] Từ những nội dung mà Hội đồng xét xử đã phân tích, xem xét nêu trên nên nhận thấy những nội dung mà Viện kiểm sát truy tố tại bản cáo trạng và đề nghị tại phiên tòa là có cơ sở nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật được áp dụng:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm g, h, i khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Hoàng Xuân V;

Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nông Văn B;

Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Văn H;

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 135; Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

2. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Hoàng Xuân V phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Tuyên bố bị cáo Nông Văn B phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Tuyên bố bị cáo Trần Văn H phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

3. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Hoàng Xuân V 02 (hai) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/12/2021.

Xử phạt bị cáo Nông Văn B 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.

Xử phạt bị cáo Trần Văn H 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Giao các bị cáo Trần Văn Hiến cho Ủy ban nhân dân phường C, thành phố P, tỉnh G để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

4. Về vật chứng:

Tịch thu và tiêu hủy gồm:

- 01 (một) cà lê bằng kim loại dài 13cm, loại khóa 10 - 12.
- 01 tua vít dẹt bằng kim loại dài 12cm cả cán, cán bằng nhựa màu hồng.
- 01 cà lê bằng kim loại dài 13cm, loại khóa 14, dài 17,5cm.
- 01 cà lê bằng kim loại dài 13cm, loại khóa 13, dài 16 cm.
- 01 cà lê bằng kim loại dài 13cm, loại khóa 10 - 14.

(Tất cả vật chứng nêu trên theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Công an huyện Đ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ ngày 19/4/2022).

5. Về án phí:

Buộc các bị cáo Hoàng Xuân V, Nông Văn B, Trần Văn H, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Đối với bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Thi hành án dân sự huyện Đ;
- Sở tư pháp tỉnh G;
- Bị cáo; bị hại; nlq;
- Lưu: Hồ sơ, cq.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Đoàn Xuân Hòa

